TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm A, sinh năm 1997; đăng ký thường trú: Ấp V, xã Vĩnh H, huyện G, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Chí N, sinh năm 1992; đăng ký thường trú: Số 60, khu phố 2, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2022 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm A trình bày: Bà A và ông Nguyễn Chí N chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/8/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, ông Nhân không chăm lo làm ăn để phụ giúp gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ

chồng đã ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà Ánh yêu cầu được ly hôn với ông Nhân.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 08/12/2014 và Nguyễn Chí T, sinh ngày 07/4/2019, hiện nay các cháu đang sống chung với bà A. Khi ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Chí N: Toà án đã triệu tập hợp lệ ông N nhiều lần để làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải đoàn tụ và tham gia phiên tòa nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Chí N hiện đang cư trú tại phường C, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tòa án nhận định về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Bà A và ông N tự nguyện sống chung từ năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/8/2017 tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, như vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

[2.2] Kết quả xác minh ngày 16/5/2023 thể hiện: Ông Nguyễn Chí N có đăng ký thường trú tại khu phố 2, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương; hiện nay ông N vẫn cư trú tại địa chỉ nêu trên. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà A và ông N thì địa phương không biết.

[2.3] Xét thấy, hiện nay bà A không còn yêu thương ông N. Tòa án cũng đã nhiều lần vận động, thuyết phục bà A cho ông N cơ hội để về đoàn tụ gia đình nhưng bà A vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn; ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc và hòa giải đoàn tụ nhưng ông N vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông N không quan tâm đến đời sống hôn nhân của vợ chồng và không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông N đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho các bên ly hôn để trả tự do cho nhau.

[2.4] Về con chung: Bà A và ông N có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 08/12/2014 và Nguyễn Chí T, sinh ngày 07/4/2019, hiện nay các cháu đang sống chung với bà A. Xét thấy bà A có nguyện vọng nuôi con chung, ông N không tranh chấp quyền nuôi con chung; cháu Nguyễn Thị Như Y có nguyện vọng sống chung với bà A. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung là cháu Y và cháu T cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bàA không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Ánh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm A đối với bị đơn ông Nguyễn Chí N về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Bà Nguyễn Thị Cẩm A được ly hôn với ông Nguyễn Chí N.

2. Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Cẩm A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 08/12/2014 và Nguyễn Chí T, sinh ngày 07/4/2019.

Ông N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm A phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp tại Biên lai thu số AA/2021/0001618 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- UBND P. Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Phương